TRỤ SỞ CHÍNH

1234 Trần Hưng Đạo - P. Bình Đức - TP. Long Xuyên - An Giang
ĐT: (076) 3852368 - Fax: (076) 3852202
info@agifish.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

94-96 Nguyễn Du - Quận 1 - TPHCM
ĐT: (08) 3825 1100 – Fax: (08) 3822 5022
info@agifish.com.vn

BÁO CÁ[illegible] NĂ[illegible]

ANNUAL REPORT

2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THỦY SẢN AN GIANG

www.agifish.com.vn

MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán.
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

Báo cáo tài chính

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị cổ đông và các nhà đầu tư !

Trước những bất lợi về giá, sức tiêu thụ kém của thị trường nhập khẩu từ đầu năm đến nay, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) dự báo: xuất khẩu thủy sản năm nay giảm khoảng 15% so với năm 2014. Con số được VASEP đưa ra cho thấy: Quý III/2015, XK thủy sản tiếp tục có mức tăng trưởng âm 16,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 9 tháng đầu năm, XK thủy sản cả nước đạt 4,8 tỷ USD, giảm 16,4% so với cùng kỳ. Tháng 10/2015, tình hình cũng không mấy khả quan, thậm chí giảm sâu hơn so với các tháng trước.Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 10 đạt khoảng 604 triệu USD, giảm 12% so với cùng kỳ. Các mặt hàng chủ lực như: Tôm, cá tra, cá ngừ, bạch tuộc đều có mức giảm lần lượt là 33%, 30%, 11% và 28%. Cũng trong 10 tháng đầu năm, kim ngạch XK thủy sản của Việt Nam sang hầu hết các thị trường lớn đều giảm mạnh từ 6 - 26%, trong đó thị trường Mỹ giảm mạnh nhất, gần 27%, EU giảm 19% và Nhật Bản giảm 15%.

Làn sóng mất giá và thả nổi giá nội tệ so với USD ở các thị trường và các nước sản xuất chính khiến cho sản phẩm thuỷ sản Việt Nam khó cạnh tranh tại thị trường nhập khẩu. Tại thị trường Mỹ, ngày14/9/2015 Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết sơ bộ mức thuế chống bán phá giá lần thứ 11 (POR11) đối với cá tra philê đông lạnh của VN vào thị trường này trong giai đoạn 1/8/2013 đến 31/7/2014. Theo đó, mức thuế mà hai bị đơn bắt buộc là HUNG VUONG CORP và TAFISHCO lần lượt là 0,36 USD/kg và 0,84 USD/kg, rất khó để các DN cá tra Việt Nam có thể đưa hàng vào Mỹ.Thực tế là chúng ta không xuất được hàng vào Hoa Kỳ, phải chuyển hướng vào các thị trường khác.

Đại hội cổ đông cổ đông thường niên 2015 của Công ty Agifish đã thống nhất thông qua nghị quyết thay đổi Điều lệ công ty: quy định năm tài khoá công ty bắt đầu từ ngày 1/10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30/9 của năm kế tiếp. Năm nay là năm đầu tiên thực hiện thay đổi niên độ kế toán và thời gian chỉ có 9 tháng, hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt như kỳ vọng. Các chỉ tiêu như sản lượng, kim ngạch xuất khẩu, doanh thu đều không đạt như kế hoạch đề ra, giá bán có xu hướng giảm. Với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 44,70 triệu USD. Cơ cấu hàng xuất khẩu hàng thay đổi lớn do không xuất được hàng sang Hoa Kỳ. Tây Âu trở thành là thị trường lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 34,11%). Kế đến là Châu Á 25,07%, Trung Đông 20,00%, Australia 12,44%, Đông Âu + Nga 4,48%, Nam Mỹ 3,90%.

Bước sang năm 2016, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh cá tra, basa chưa hết khó khăn. Thị trường tiêu thụ kém và biến động tỷ giá tiền tệ khiến cho các doanh nghiệp khốn khó hơn nữa. Trong tình hình thực tế hiện nay, chúng ta cần có một bước chuyển biến tích cực trong tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, bên cạnh việc tăng cường công tác tiếp thị, phát triển thị trường, Agifish chú trọng đầu tư cho các vùng nuôi đạt tiêu chuẩn ASC, BAP để có nguồn nguyên liệu chất lượng, kiểm soát chặt chẽ từ khâu con giống, thức ăn, thuốc và hoá chất sử dụng trong suốt quá trình nuôi, nổ lực hạ giá thành nguyên liệu, tổ chức tốt chế biến xuất khẩu, tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận, giảm bớt chi phí trung gian, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm tăng thêm nội lực đón đầu cơ hội kinh doanh khi Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) cùng các Hiệp định thương mại khác mà Việt Nam tham gia ký kết có hiệu lực

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi ghi nhận sự đóng góp quý báu của đội ngũ cán bộ, công nhân lao động nhằm vượt qua những khó khăn, thử thách trong năm qua. Cám ơn các nhà đầu tư đã đặt niềm tin vào Công ty Agifish. Toàn thể cán bộ lãnh đạo, công nhân lao động AGF cam kết sẽ đứng vững trước những biến động của thị trường, xây dựng công ty AGF ngày càng phát triển mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông và cộng đồng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÔ PHƯỚC HẬU

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang (Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company)
Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600583588 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An giang cấp.

Vốn điều lệ: 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.763) 852 939 – 852 368
Fax: (84.763) 852 202
E.mail: agifish.co@agifish.com.vn
Website: www.agifish.com.vn
Mã cổ phiếu: AGF

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thuỷ sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐQU của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu "Anh Hùng Lao Động" và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội cá tra Việt Nam (VPA), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thuỷ sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005, ISO 14001:2004. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là "Hàng Việt Nam chất lượng cao" liên tục từ năm 2003 đến 2015 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish là doanh nghiệp duy nhất trong ngành thủy sản được tặng danh hiệu "Thương hiệu Quốc gia 2012" (Vietnam Value) liên tục trong các năm 2008, 2010, 2012.

Agifish có truyền thống là doanh nghiệp đi đầu trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực sản xuất cá giống, công nghệ chế biến thuỷ sản và phát triển các sản phẩm gía trị gia tăng chế biến từ cá basa, cá tra.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Agifish cung cấp cho thị trường trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý của Agifish và các hệ thống phân phối của Saigon Coopmart, BigC, Metro Cash & Carry, ... sản phẩm cá tra, cá basa Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm, với giá cả hợp lý, góp phần tạo dựng uy tín của sản phẩm thuỷ sản Việt Nam trên thị trường thế giới như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu và Nga

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán thuỷ, hải sản đông lạnh, thực phẩm. Chi tiết : Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá	1020 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Mua bán thuốc thú y, thuỷ sản Chi tiết : Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thuỷ sản	4669
3	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa Chi tiết : Nuôi thuỷ sản	0322
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết : Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thuỷ sản	5210
5	Bán buôn thực phẩm	4632

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức của Công ty

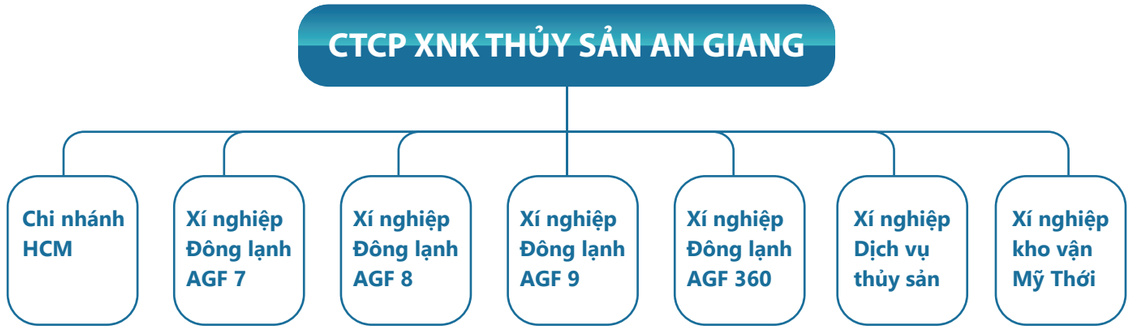

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

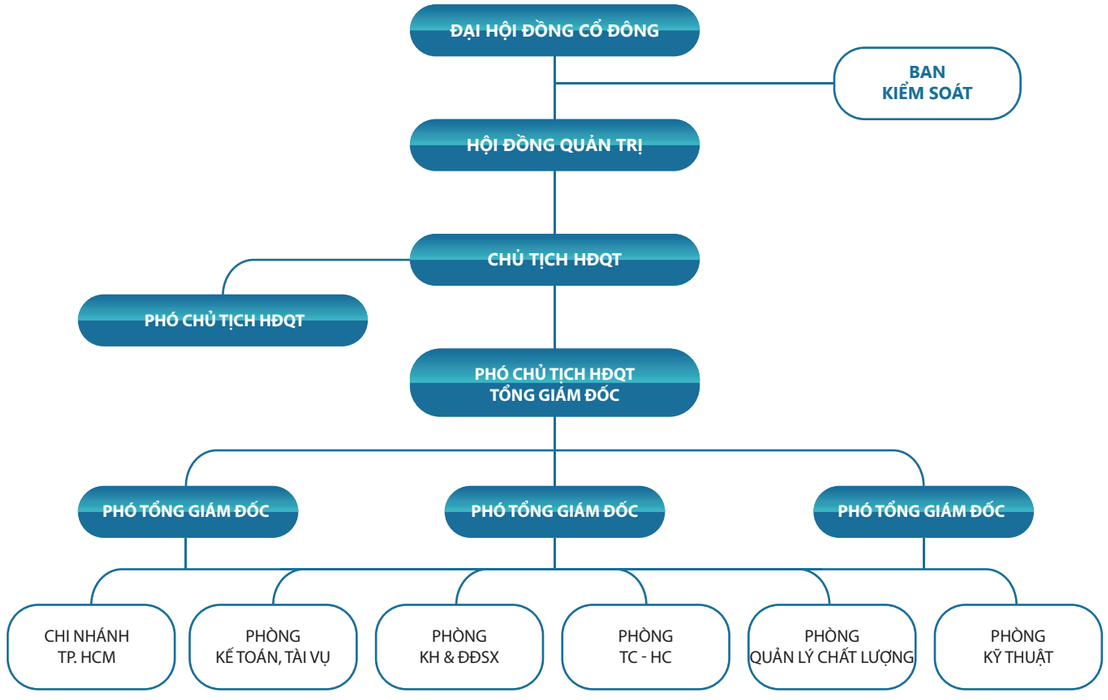

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An giang

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long xuyên - An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3852 368 – 3852 939
Fax: (84.76) 3852 202

Chi nhánh Công ty tại TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84.8) 3825 1100 – (84.8) 3829 9767
Fax: (84.8) 3822 5022

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3854 241

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3836 221
Fax: (84.76) 3836 254

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3958999
Fax: (84.76) 3958888

Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3857 590

Xí nghiệp dịch vụ thủy sản

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.
Điện thoại: (84.76) 395408

Xí nghiệp Kho vận Mỹ Thới

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.
Điện thoại: (84.76) 3930378

Các Công ty có liên quan :

Công ty mẹ: Công ty cổ phần Hùng Vương
Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 79,58%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tập trung đầu tư xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu đáp ứng 80% - 90% nhu cầu sản lượng cùng cơ sở chế biến thuỷ sản hiện đại đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Nghiên cứu nâng cao giá trị sản phẩm cá tra, basa bằng các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng có bao bì đẹp và tiện dụng.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Agifish gắn với hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thuỷ sản bằng chiến lược phát triển bền vững và có trách nhiệm, trong đó tập trung vào các sản phẩm cá basa, cá tra trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng.

Xây dựng thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Liên kết cùng với các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Hùng Vương để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương

Các rủi ro

Tác động của hiện tượng biến đổi khí hậu

Diễn biến thời tiết và thiên tai đang có xu hướng thay đổi bất thường ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam. Vùng ĐBSCL đã được nhiều nhà khoa học và các tổ chức quốc tế cảnh báo là nơi chịu nhiều tác động tiêu cực của hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Cư dân vùng ĐBSCL hiện nay vừa chịu tác động của lũ thượng nguồn vào mùa mưa, vừa chịu tác động của sự xâm nhập mặn vào mùa khô và các tác động do diễn biến thời tiết cực đoan khác như nhiệt độ gia tăng, phân bố mưa bất thường, khô hạn kéo dài, lốc xoáy. Năm 2015, dù trong mùa mưa lũ hàng năm ở Nam bộ, mực nước trên sông Hậu và sông Tiền ở mức thấp nhất trong hơn 50 năm qua ảnh hưởng đến các hoạt động đánh bắt cũng như nuôi trồng thuỷ sản trong khu vực. Tài nguyên nước đang đứng trước nguy cơ suy giảm lưu lượng và chất lượng, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cá nuôi.

Thị trường xuất khẩu

Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Đông Âu và Nga. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt và mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Agifish đang áp dụng các hệ thống quản lý: HACCP; CoC; ISO 17025: 2005; Global Standard For Food Safety (BRC); HALAL; ASC; BAP... vào trong toàn bộ quá trình nuôi trồng và sản xuất chế biến để luôn đảm bảo cung cấp những sản phẩm chất lượng. Công ty luôn cập nhật các thay đổi và những quy định mới về tiêu chuẩn chất lượng để kịp thời chuẩn bị và đáp ứng về hệ thống, cũng như có chính sách điều chỉnh phù hợp cơ cấu thị trường xuất khẩu của Công ty.

Các rào cản thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu

Chương trình thanh tra cá da trơn kiểu mới của Mỹ chuyển giao chức năng thanh tra, giám sát chất lượng sang Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), thay vì Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA). Người nuôi cá tại Mỹ cần một sân chơi bình đẳng,cá nuôi ở Việt Nam cũng cần phải đáp ứng được các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh như ở Mỹ - đó là cái lý mà USDA đưa ra để thực hiện chương trình này. Chương trình thanh tra cá da trơn kiểu mới không khác gì lệnh cấm nhập khẩu. Một số tiểu bang Hoa Kỳ đã ban hành luật ghi nhãn nguồn gốc xuất xứ đối với cá da trơn. Các nhà xuất khẩu cá tra trơn Việt Nam sẽ phải mất nhiều năm để thích ứng các điều kiện của chương trình và tạm thời việc nhập khẩu cá tra, basa của Việt Nam vào thị trường Mỹ sẽ vấp phải một rào cản rất gai góc. Một số nước EU đang yêu cầu các trại nuôi thuỷ sản phải áp dụng việc xử lý nước thải nhằm bảo vệ môi trường, áp dụng quy định về truy nguyên nguồn gốc sản phẩm (traceability).

Cạnh tranh với các nước trong khu vực

Trong khu vực, ngoài Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Băngladesh, Ấn Độ, Lào nuôi cá da trơn, hiện nay chính phủ Philippin, Indonesia và Malaixia đang có chính sách khuyến khích người dân nuôi và phát triển với qui mô lớn việc nuôi loài cá này. Ngoài ra họ cũng đã chú ý đến việc đầu tư nuôi cá tra sạch. Công ty CP Thái Lan đang có chủ trương tham gia đầu tư để quản lý một bộ phận quan trọng của ngành cá tra Việt Nam.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Thị trường tiêu thụ kém và biến động tỷ giá tiền tệ khiến cho thủy sản Việt Nam bị cuốn trong vòng xoáy giảm giá trên thị trường thế giới suốt từ đầu năm đến nay. Các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Đông Âu và Nga, ... đang sa sút, Công ty đã nổ lực tìm kiếm thị trường thay thế. Ngay từ những tháng đầu năm đến nay, mỗi tháng công ty xuất sang Trung Quốc khoảng 40 – 50 container. Tuy sức mua không ổn định, giá thấp hơn các thị trường khác nhưng Trung quốc trở thành nơi gỡ khó cho AGF và các doanh nghiệp thuỷ sản khác. Đối với thị trường trong nước, Agifish tiếp tục giữ vững danh hiệu " Hàng Việt Nam chất lượng cao "của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra, basa Agifish, Xí nghiệp đông lạnh AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Trong niên độ tài chính 2014 - 2015 sản lượng hàng giá trị gia tăng đạt 2.123 tấn,

Trong đó:
Xuất khẩu: 632 tấn **kim ngạch:** 1,54 triệu USD
Tiêu thụ nội địa: 1.491 tấn **Doanh thu:** 80 tỷ đồng

Hơn 70 % sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ mạnh tại các hệ thống siêu thị Saigon Coop Mart, Metro, Big C, Lotte, Vinatex... còn lại phân phối thông qua các đại lý trên cả nước.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:
Các chỉ tiêu kế hoạch như : kim ngạch xuất khẩu, doanh thu, lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đề ra.

Một số nguyên nhân chính là:

- Công ty bị áp mức thuế chống phá giá sang Hoa Kỳ khá cao. Thuế suất áp dụng cho sản phẩm cá tra philê đông lạnh của công ty Agifish và 23 DN bị đơn tự nguyện khác ở mức 0,97 USD/kg. Vì vậy, trong năm 2015 công ty không xuất hàng qua thị trường Hoa Kỳ phải tìm kiếm thị trường thay thế.

- Khủng hoảng kinh tế, ảnh hưởng của việc điều chỉnh tỷ giá của các nước cũng đã ảnh hưởng lớn tới giá trị xuất khẩu sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, phải kể đến thời tiết năm 2015 khá khắc nghiệt so với các năm trước, cá nuôi tăng trưởng chậm, tiêu tốn thức ăn nhiều hơn, tỷ lệ hao hụt cao dẫn đến giá thành cá nuôi tăng, hiệu quả thấp

Chỉ tiêu	Thực hiện năm tài chính 2014	Kế hoạch năm tài chính 2015 (9 tháng)	Thực hiện năm tài chính 2015 (9 tháng)	So sánh (%)	
				2015/2014	TH/KH
Tổng doanh thu (tỷ)	2.780	2.250	1.719	61.83%	76.40%
LN trước thuế (tỷ)	90,34	75	0,16	0.18%	0.21%
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	30.239	29.500	16.772	55.46%	56.85%
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	83,32	75	44,7	53.65%	59.60%
Tổng số lao động (ngàn người)	3.190	3.100	2.950		
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.600.000	5.000.000	4.700.000	102%	94%

Ghi chú :
- Do năm tài chính 2015 bắt đầu từ tháng 01/2015 kết thúc tháng 09/2015 và số liệu 9 tháng đã được kiểm toán, trong khi đó số liệu cùng kỳ năm 2014 thì chưa được kiểm toán nên không đưa ra so sánh với cùng kỳ.
- Các chỉ tiêu năm tài chính 2014 là số liệu dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên:	Nguyễn Văn Ký
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	24/02/1958
Nơi sinh:	TP Hồ Chi Minh
CMND:	022868620
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	0903939763
Trình độ chuyên môn:	Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	- Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	Phù Thanh Danh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10.02.1967
Nơi sinh:	An giang
CMND:	024330831, ngày cấp 25.03.2005, nơi cấp: CA TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	21 Hưng Thái, P.Tân Phong, Q7, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	0903813888
Trình độ chuyên môn:	Kỹ Sư Thủy Sản
Quá trình công tác:	1990 đến nay: công tác tại Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Phó Tổng Giám Đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	220.424 cổ phần, chiếm 0,78 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên:	Võ Thành Thông
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05-12-1967
Nơi sinh:	Tây Ninh
CMND:	351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số ĐT liên lạc:	0913128909
Trình độ chuyên môn:	Tốt nghiệp Đại học TC-KT TP.HCM năm 1989
Quá trình công tác:	Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	34.522 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	Võ Văn Phong
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01 – 04 – 1975
Nơi sinh:	Xã Thới Thạnh, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
CMND:	362369683, ngày cấp 23/12/2008, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	127/24 Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Số ĐT liên lạc:	0903873877
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ
Quá trình công tác:	Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Cty Proconco Cần Thơ Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng nuôi thuỷ sản Cty Aquaservice Từ 2008 – 2013 : Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam Từ 2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách nuôi trồng, Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương - Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	5.500 cổ phần, chiếm 0,019 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên:	Huỳnh Minh Thống
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10-10-1976
Nơi sinh:	Tiền Giang
CMND:	311483336, ngày cấp 08/11/2008, nơi cấp: Tiền Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	111 Lý Công Uẩn, Phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang
Số ĐT liên lạc:	0918575775
Trình độ chuyên môn:	Tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM năm 1998
Quá trình công tác:	Tháng 08/1998 đến nay: làm việc tại Cty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Số lượng cán bộ, nhân viên
(thời điểm 30/09/2015)
- Tổng số lao động cuối kỳ: 2.950 người (nữ 1.453)
- Tăng trong kỳ: 555 người
- Giảm trong kỳ: 838 người

Lao động có trình độ chuyên môn
* Trên Đại học: 2 người
* Đại học: 169 người
* Cao đẳng: 35 người
* Trung cấp: 137 người

Chính sách đối với người lao động
- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt 4.700.000 đ/người/tháng.

- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty. Khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao.

- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, nhờ hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh nên bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đóng BHXH hằng năm là trên 25 tỷ đồng

- Triển khai các chế độ chính sách hổ trợ như nâng lương, tăng tiền ăn giữa ca, nhà ở cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động

- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hổ trợ giúp đở về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ, bệnh tật.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:
• Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH) nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của vùng nuôi thuỷ sản thuộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phước Anh 2 tại xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Theo đó : Công ty Agifish được tiếp tục thuê đất , thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại hợp đồng thuê đất của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phước Anh 2, theo công văn số 157/UBND-KTN ngày 01/04/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp
Tổng diện tích: 77.125,4 m2;
Bao gồm:
Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01: 62.672,2 m2
Thửa đất số 133, tờ bản đồ số 01: 12.950.7 m2
Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01: 1.502,5 m2

• Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH) nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của vùng nuôi thuỷ sản thuộc Công ty TNHH Thức ăn Thuỷ sản Miền Tây tại xã An Nhơn, huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau Công ty Agifish được tiếp tục thuê đất, thời hạn thuê đất là thời hạn còn lại hợp đồng thuê đất của Công ty TNHH Thức ăn thuỷ sản Miền Tây, theo công văn số 787/UBND-KTN ngày 25/12/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê đối với Công ty TNHH Thức ăn thuỷ sản Miền Tây
Tổng diện tích: 64.173,7 m2
Bao gồm: 3 ao thuộc thửa đất số 1309, tờ bản đồ số 01: 64.173,7 m2

• Các công ty con , công ty liên kết : không

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2015 (9 tháng)	Năm 2014 (12 tháng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.529.832.135.552	2.216.206.263.323	114,15%
Doanh thu thuần	1.719.128.179.086	2.780.325.053.335	61,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.359.061.743	82.876.957.574	-6,47%
Lợi nhuận khác	5.517.084.606	7.464.690.692	73.91%
Lợi nhuận trước thuế	158.022.863	90.341.648.266	0.17%
Lợi nhuận sau thuế	-445.505.604	72.124.576.563	-0,62%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25% trên Vốn ĐL	10% trên Vốn ĐL	

Ghi chú:

- Do năm tài chính 2015 bắt đầu từ tháng 01 đến tháng 09 và số liệu 9 tháng đã được kiểm toán, trong khi đó số liệu cùng kỳ năm 2014 thì chưa được kiểm toán nên không đưa ra so sánh với cùng kỳ.
- Các chỉ tiêu năm tài chính 2014 là số liệu dựa trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm tài chính 2015 đã được thông qua tại đại hội cổ đông bất thường tháng 10/2015.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,08	1,35	
- Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,37	0,74	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,66	0,61	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,95	1,56	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,55	2,93	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	1,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,0003	0,0259	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-0,0005	0,0834	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,0002	0,0325	
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,0031	0,0298	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: **28.109.743 cp**

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : **0 cp**

b) Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 26/08/2015)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
2. Cổ đông đặc biệt	**271.452**	**0,97**
- HĐQT	265.946	0,95
- BGĐ	5.500	0,02
- BKS	0	0,00
2. Cổ đông trong nước	**27.616.919**	**98,24**
- Tổ chức	24.718.995	87,93
Trong đó cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
- Cá nhân	2.897.924	10,31
3. Cổ đông nước ngoài	**221.372**	**0,79**
- Tổ chức	59.674	0,21
- Cá nhân	161.698	0,58
4. Cổ phiếu quỹ	0	0
TỔNG CỘNG	**28.109.743**	**100**

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.316.892	8,24
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Viêt Nam.	22.370.625	79,58

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang; Nghị quyết và biên bản Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ngày 19/03/2015 và Biên bản họp Hội đồng quản trị lần thứ 62 ngày 06 tháng 04 năm 2015. Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐQT ngày 6/4/2015 để triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%.

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, UBCKNN đã có công văn số 3363/UBCK-QLPH về việc chấp thuận kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 của Công ty như sau :

Số cổ phiếu được phân phối: 2.555.293 cổ phiếu

Số cổ đông được phân phối: 952 cổ đông

Tổng số cổ phiếu đến ngày 12/6/2015: 28.109.743 cổ phiếu,

Trong đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 28.109.743 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Ngày 24/6/2016 Công ty đã đăng ký niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung số lượng 2.555.293 cổ phiếu của đợt phát hành trả cổ tức năm 2014 cho cổ đông hiện hữu nhằm đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm này vào giao dịch đảm bảo quyền lợi của của các cổ đông.

Ngày 07/07/2015 Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 12/2002/GCNCP-VSD-6 do Trung tâm lưu ký Việt Nam cấp ngày 07/07/2015 nâng số lượng chứng khoán đăng ký hiện tại lên 28.109.743 cổ phiếu.

Ngày 08/07/2015 Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang đã nhận được Quyết định thay đổi niêm yết số 271/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi niêm yết số lượng chứng khoán do phát hành thêm chứng khoán để trả cổ tức nâng số lượng chứng khoán niêm yết kể từ ngày 10/07/2015 lên 28.109.743 cổ phiếu.

Ngày 15/07/2015 Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần – đăng ký thay đổi lần thứ 20 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang ký ngày 09 tháng 07 năm 2015 với nội dung chính như sau : thay đổi vốn điều lệ từ 255.544.500.000 đồng lên 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ không trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng

- Cá tra nguyên liệu : **45.000 tấn**
- Thùng carton : **245 tấn**
- PA : **4.5 tấn**
- PE : **57 tấn**

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm
nguyên vật liệu được tái chế : 0%

Tiêu thụ năng lượng
a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp :
Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Thay thế hệ thống chiếu sáng từ đèn huỳnh quang chấn lưu sang công nghệ đèn led.

Lắp thêm biến tần (inverter), khởi động mềm MCD3000 cho các thiết bị có moteur công suất lớn nhằm tiết kiệm điện khi khởi động thiết bị.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng :
Các xí nghiệp đông lạnh trong toàn công ty sử dụng năng lượng tái tạo : tận dụng nhiệt của đường nén hệ thống lạnh để làm nóng nước phục vụ cho việc vệ sinh các công cụ sản xuất thay cho trước đây sử dụng máy nước nóng tiêu thụ bằng năng lượng điện hoặc dầu diesel.

Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ, công nhân lao động, lắp đặt các bảng nội quy về sử dụng điện tiết kiệm trong văn phòng và nhà xưởng coi như là biện pháp nhắc nhở thường xuyên hiệu quả.

Tiêu thụ nước
a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :
Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 7, Xí nghiệp đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến thực phẩm 360 là nguồn nước giếng ngầm, khoan sâu 250m, qua hệ thống xử lý nước cấp của các xí nghiệp 120m3/ giờ. Tổng lượng nước ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là 333.452 m3.

Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 8 là nguồn nước mặt bơm trực tiếp từ sông Hậu qua hệ thống xử lý nước cấp của xí nghiệp công suất 60m3/ giờ. Tổng lượng nước mặt từ sông Hậu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của xí nghiệp đông lạnh 8 là 110.502 m3.

Tổng mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong năm 2015 là 443.954 m3.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường
Xí nghiệp đông lạnh 8 bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường do xả nước thải quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quyết định số 278/QĐ-XPVPHC do Tổng cục trưởng Tổng cục môi trường ký ngày 29/9/2015. Tình tiết giảm nhẹ là Công ty đã khắc phục hậu quả vi phạm nên hình thức xủ phạt chính là phạt tiền 260.000.000 đồng

Chính sách liên quan đến người lao động
a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động trong năm là 2950 người, mức lương bình đạt 4.700.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khoẻ, an toàn và phúc lợi của người lao động:
Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho hơn 2.800 lượt người lao động với tổng số tiền hơn 400 triệu đồng.

c) Hoạt động đào tạo cho người lao động :
Công nhân ngành thuỷ sản thường vào làm việc và nghỉ việc, số lượng biến động trong kỳ báo cáo tăng giảm rất lớn trong quá trình sản xuất, nên công ty phải thường xuyên tổ chức huấn luyện, đào tạo dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất tại các xí nghệp chế biến đông lạnh của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương

Các cơ sở sản xuất của Công ty bao gồm trại nuôi, nhà máy chế biến.... đứng chân trên các địa phương luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Cố gắng hạn chế xã thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

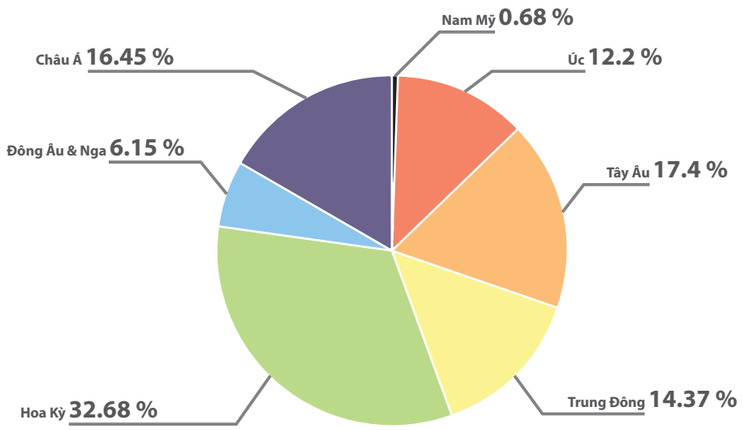

Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2014

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2015 đạt 1.719 tỷ đồng, sản lượng xuất khẩu (NET) 23.937 tấn, kim ngạch xuất khẩu 44,70 triệu USD. Cơ cấu hàng xuất khẩu hàng thay đổi lớn do không xuất được hàng sang Hoa Kỳ. Tây Âu trở thành là thị trường lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 34,11%). Kế đến là Châu Á 25,07%, Trung Đông 20,00%, Australia 12,44%, Đông Âu + Nga 4,48%, Nam Mỹ 3,90%.

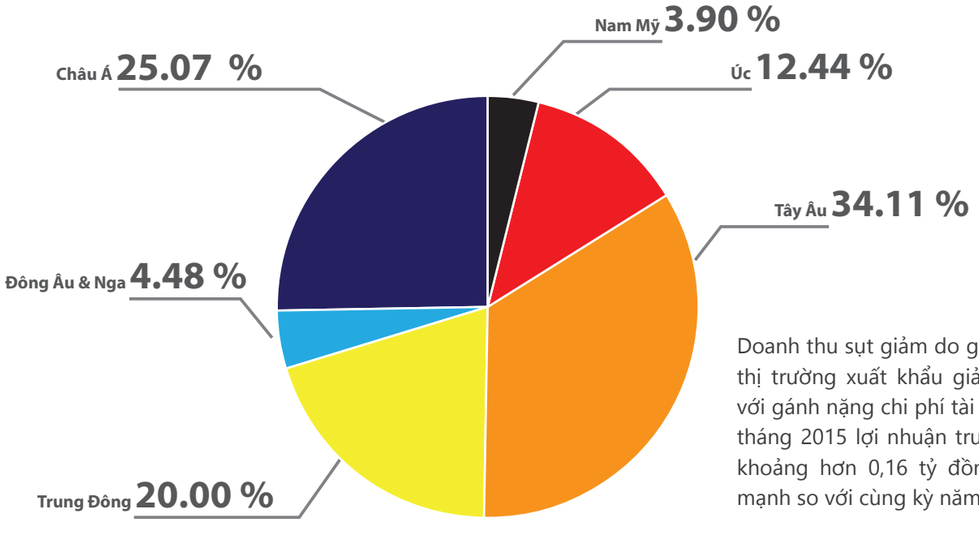

Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2015

Doanh thu sụt giảm do giá bán ở thị trường xuất khẩu giảm cùng với gánh nặng chi phí tài chính 9 tháng 2015 lợi nhuận trước thuế khoảng hơn 0,16 tỷ đồng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2014.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tổng tài sản công ty tại ngày 30/09/2015 so với 31/12/2014 tăng hơn 313 tỷ đồng (14.15%), do hệ thống nuôi trồng đã đi vào hoạt động ổn định, mật độ thả giống nuôi đã phủ kín hầu hết các ao, hệ thống này đã đáp ứng 80% nhu cầu nguyên liệu cho 9 tháng đầu năm 2015.

Hiệu quả sử dụng tài sản 9 tháng đầu năm 2015 giảm nhiều so với cùng kỳ do kết quả hoạt động kinh doanh sụt giảm.

Tài sản xấu ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh là hai khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Năm tài chính 2015 (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015) hai khoản này phải trích lập thêm là 13,5 tỷ đồng, nâng tổng số đã trích lập lần lượt là 76.05 tỷ đồng và 12,55 đồng.

Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại ngày 30/09/2015 so với 31/12/2014 tăng hơn 321 tỷ đồng (23.77%) chủ yếu là tăng khoản phải trả người bán và vay ngắn hạn, mức tăng này để trang trải cho chi phí nuôi trồng đã nói ở mục 2.1. Không có nợ phải trả xấu.

Chi phí lãi vay trong năm tài chính 2015 (9 tháng) thấp hơn so với cùng kỳ năm 2014 khoảng 5 tỷ đồng do tăng tỷ trọng vay ngoại tệ ở những tháng đầu năm để giảm chi phí sử dụng vốn của Công ty. Tuy nhiên, đồng USD tăng giá mạnh kể từ tháng 6/2015 làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện là 18.6 tỷ đồng. Công ty đã lập tức điều chỉnh tỷ trọng vay USD để tránh thiệt hại về tỷ giá cho thời gian sắp tới.

Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ngày 01/08/2015, Tổng giám đốc Agifish đã ký ban hành quyết định thành lập Ban pháp chế công ty Agifish . Đây là bộ phận độc lập được quản lý và chỉ đạo trực tiếp từ Tổng giám đốc nhằm:

- Tư vấn pháp lý trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;

- Tư vấn cho lãnh đạo ty tham gia vào quá trình tố tụng, trọng tài hoặc toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong hoạt động kinh doanh;

- Nghiên cứu, tham gia góp ý vào các dự thảo quy định pháp luật do cơ quan nhà nước ban hành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Theo dõi việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế của Công ty, ý thức chấp hành của của CBCNV để kiến nghị xử lý vi phạm;

- Hổ trợ tư vấn pháp lý cho các đơn trực thuộc công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2015-2016

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2016
I	**CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG**				
1	Sản lượng cá tra fillet xuất khẩu	tấn	29.500	16.772	30.000
2	Sản lượng cá tra fillet bán nội địa	Tấn		5.674	6.000
3	Sản lượng tiêu thụ nội địa				
	- Hàng chế biến GTGT				
	+ Sản lượng	tấn	1.650	1.491	2.400
	+ Doanh thu	tỷ đồng	83	91	120
II	**CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK**				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	75.000.000	44.700.250	72.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	7.500.000	350.712	2.000.000
III	**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.250	1.719	2.800
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.175	1.718,84	2.750
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	75	0,16	50
IV	**KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG**				
1	Tổng lao động	Người	3.100	2.950	2.500
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	5.000.000	4.700.000	4.800.000

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán : không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Trong xu thế phát triển của thị trường hiện nay, ngoài yêu cầu về chất lượng người tiêu dùng và các nước nhập khẩu thuỷ sản quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm bền vững và có trách nhiệm, khách hàng còn đòi hỏi sản phẩm phải được sản xuất trong điều kiện an toàn với môi trường, xã hội và người lao động. Vì vậy, Ban lãnh đạo công ty nổ lực thực thi trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc trong suốt quá kinh sản xuất kinh doanh. Xây dựng chương trình, kế hoạch từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và Công ty Agifish đã được cấp chứng nhận nuôi thuỷ sản bền vững (ASC) cho vùng nuôi cá An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, An Giang từ 2013, và tiểu chuẩn thực hành nuối thuỷ sản tốt (BAP) từ 2015 cho vùng nuôi Mương Điều, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Agifish là một trong những công ty thuỷ sản Việt Nam đầu tiên được cấp chứng nhận tiêu chuẩn 4 sao BAP (nhà máy chế biến - nuôi - giống – thức ăn). Tiêu chuẩn BAP là tiêu chuẩn dành cho chuỗi cung ứng thủy sản toàn cầu, là kết tinh của quá trình cải tiến liên tục và được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học nhằm bảo đảm việc cung cấp thực phẩm an toàn nhờ quá trình sản xuất có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) :
b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm, công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, nhiều yếu tố khách quan như thị trường tiêu thụ suy giảm và biến động tỷ giá tiền tệ khiến cho chi phí tài chính tăng cao, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thấp nhất từ trước tới nay. Cơ cấu thị trường của Công ty cho thấy sự mất cân đối do không xuất hàng vào thị trường Mỹ. Công ty vẫn còn phải cố gắng rất nhiều trong việc định hướng nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm

Công ty kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra : tăng năng suất, ổn định chất lượng giảm giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí; giữ vị trí top 5 trong số doanh nghiệp xuất cá tra Việt Nam. Đặc biệt, sự quan tâm đúng mức đối với người lao động như nâng lương cùng các chế độ đãi ngộ đã giữ chân được lực lượng lao động lành nghề mang lại sự ổn định trong sản xuất và chất lượng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015. Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, Tổng giám đốc tiếp tục tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại công tác quản lý, mở rộng vùng nguyên liệu theo kế hoạch đã đề ra nhằm chủ động nguồn cá nguyên liệu cho sản xuất. Tháo gỡ khó khăn của thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng tại các thị trường tại các nước Bắc Âu như Norway, Denmark, Trung Đông, Trung Quốc...

Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.Trong tháng 6/2015, đã triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2014 cho các cổ đông.Số cổ phiếu được phân phối là 2.555.293 cổ phiếu và số cổ đông được phân phối là 952 cổ đông.Tháng 07/2015 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán TPHCM chấp thuận niêm yết số cổ phiếu phát hành thêm trên sàn giao dịch chứng khoán TPHCM.

Tổng giám đốc đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các chính sách liên quan đến chiến lược phát triển để HĐQT đưa ra quyết định đúng đắn. Trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty.

Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường bất thường 2015:

a) Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (theo bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 30/6/2015) toàn bộ số tiền là 93.847.390.710 đồng (chín mươi ba tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn bảy trăm mười đồng)

b) Điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015: từ chi bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%/vốn điều lệ sang phương án chi bằng tiền mặt 25%/ vốn điều lệ (2.500 đồng/cổ phiếu)

c) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ với tỷ lệ thực hiện : 4:1. Với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 7.027.435 cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 70.274.350.000 đồng (Bảy mươi tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mười nghìn đồng)

Đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông niên độ tài chính 2015 – 2016 xem xét thông qua.

Chỉ đạo và giám sát việc sửa đổi Điều lệ công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 trình cùng các nội

dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện việc công bố thông tin theo thông tư hướng dẫn công bố thông tin số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015.

Tập trung nguồn lực cho vùng nuôi cá nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, giá thành cá nuôi hiệu quả cao nhất.

Tổ chức lại lao động; nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng; duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.Tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh..

Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm đúng như cam kết.

Sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi, không đầu tư ngoài ngành. Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý, công nhân lao động bằng chính thành quả lao động đã làm ra, mang lại nhiều lợi ích cho cổ đông và cộng đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
Số lượng thành viên: 5 người.

Trong đó:
+ Thành viên bên trong : 3 người
+ Thành viên bên ngoài : 2 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Phó Chủ tịch	2013 – 2018	
4. Phù Thanh Danh	Thành viên	2013 – 2018	
5. Võ Thành Thông	Thành viên	2013 – 2018	

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên

Họ và tên:	Ngô Phước Hậu
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08 – 06 – 1956
Nơi sinh:	Châu Phú A, Thị xã Châu Đốc, An Giang
CMND:	350624332 ngày cấp 05 – 03 - 2001, nơi cấp: An Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	37/28 Trần Đình Xu, Phường Cầu Kho, Quận I, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	0913834615
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư sinh hoá
Quá trình công tác:	1995 – 2001: Giám đốc Công ty XNK Thủy sản An giang 2001 đến 2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Agifish
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam (VASEP)
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	11.000 cổ phần, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN

CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Họ và tên:	Dương Ngọc Minh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22 – 10 – 1956
Nơi sinh:	TP.Hồ Chí Minh
CMND:	021997925, ngày cấp 20 - 10 – 2003 nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM
Số ĐT liên lạc:	0903 311 111
Trình độ chuyên môn:	Kinh doanh
Quá trình công tác:	Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải. Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương. Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Ông Nguyễn Văn Ký (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)
Ông Phù Thanh Danh (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)
Ông Võ Thành Thông (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

b) Các tiểu ban của Hội quản trị: không có
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành phần, tổ chức của Hội đồng quản trị phù hợp với giai đoạn phát triển của Công ty trong tình hình mới. Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để đề ra những chủ trương, định hướng phát triển phù hợp.

Hội đồng quản trị đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 8h30 ngày 19 tháng 03 năm 2015, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc tờ trình trước Đại hội các nội dung cần biểu quyết thông qua

- Thông qua điều chỉnh phương án chi cổ tức trong phương án phân phối lợi nhuận năm 2014

- Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban giám đốc, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hợp nhất 2014 sau kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014:

- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi cổ tức 2014 theo tỷ lệ 10:1

- Thảo luận và biểu quyết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:

- Thông qua Đại hội đồng cổ đông về mức chi cổ tức năm 2015: chi bằng cổ phiếu 20%/ vốn điều lệ. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty

- Thông qua Đại hội đồng cổ đông tờ trình về việc thay đổi niên độ kế toán: theo đó Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi điều 44, chương XIV, Điều lệ công ty quy định năm tài khoá công ty bắt đầu từ ngày 1/10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30/9 của năm kế tiếp .

• Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 30/09 của năm liền kề.

• Năm tài chính 2015: bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/09/2015

• Năm tài chính thứ 2016 trở đi: bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 30/09

- Giao quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2015: chọn 1 trong những đơn vị sau: KLMG; Ernts & Young Việt Nam; Deloitte

Hội đồng quản trị đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 9h30 ngày 23 tháng 10 năm 2015, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc tờ trình trước Đại hội các nội dung cần biểu quyết thông qua

- Điều chỉnh phương án chi cổ tức năm 2015:

• Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (theo bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 30/6/2015) toàn bộ số tiền là 93.847.390.710 đồng (chín mươi ba tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn bảy trăm mười đồng)

• Điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015: từ chi bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%/vốn điều lệ sang phương án chi bằng tiền mặt 25%/ vốn điều lệ (2.500 đồng/cổ phiếu)

• Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

• Phát hành 7.027.435 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 10.000 đồng tương ứng với 70.274.350.000 đồng (Bảy mươi tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu với tỷ lệ 4:1 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua và cứ 4 quyền mua sẽ được quyền mua 01 cổ phiếu mới theo nguyên tắc làm tròn xuống hàng đơn vị)

• Ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các công việc có liên quan đến việc phát hành chào bán cổ phiếu theo phương án đã được duyệt, chọn lựa thời gian phát hành, đơn vị tư vấn Xây dựng chi tiết phương án phân bổ vốn thu được từ đợt chào bán và lựa chọn thời điểm tiến hành giải ngân sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông và cho Công ty và những vấn đề khác mà HĐQT thấy cần thiết liên quan đến việc phát hành

Các cuộc họp của HĐQT:

Trong niên độ tài chính từ 1/1/2015 đến 30/9/2015 Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ tham gia các cuộc họp của các thành viên HĐQT được thống kê chi tiết như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	5	100%	
2	Dương Ngọc Minh	P.Chủ tịch	5	100%	
3	Nguyễn Văn Ký	P.Chủ tịch	5	100%	
4	Phù Thanh Danh	TV	5	100%	
5	Võ Thành Thông	TV	5	100%	

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 61 ngày 10/01/2015 để thảo luận; quyết định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 62 ngày 06/04/2015 để thảo luận và thống nhất triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10% đã được Đại hội đồng cổ đông 2015 thông qua.

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 63 ngày 13/04/2015 để thảo luận và thống nhất qua việc tiếp nhận vùng nuôi thuỷ sản của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phước Anh 2

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 64 ngày 25/05/2015 : để thảo luận và thống nhất qua tiếp nhận vùng nuôi thuỷ sản của Công ty TNHH Thức ăn thuỷ sản Miền Tây

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 65 ngày 20/07/2015 : xem xét sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

• Họp Hội đồng quản trị lần thứ 66 ngày 04/08/2015 : thảo luận và ra nghị quyết tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2015

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT-2015	10/01/2015	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
2	02/NQHĐQT-2015	06/04/2015	Triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10% đã được Đại hội đồng cổ đông 2015 thông qua.
3	03/NQHĐQT-2015	13/04/2015	Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH) tiếp nhận vùng nuôi thuỷ sản của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phước Anh 2
4	04/NQHĐQT-2015	25/05/2015	Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH) tiếp nhận vùng nuôi thuỷ sản của Công ty TNHH Thức ăn thuỷ sản Miền Tây
5	05/NQHĐQT-2015	20/07/2015	Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thuỷ sản An Giang (Điều 5, khoản 1, trang 4)
6	06/NQHĐQT-2015	04/08/2015	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường 2015 : xin ý kiến cổ đông về việc điều chỉnh mức chi cổ tức 2015 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán niên độ kế toán 2014 - 2015.

BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ và tên:	LÊ NAM HẢI
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/07/1971
Nơi sinh:	Hải Dương
CMND:	022341792 ngày cấp 20/02/2008, nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	43 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, Tp HCM
Số ĐT liên lạc:	0902838383
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính, kế toán
Quá trình công tác:	Ngân hàng TMCP Quế Đô Công ty kiểm toán AASC
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Hùng Vương
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	NGUYỄN THANH TÙNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/05/1983
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	012345319 ngày cấp 28/06/2000, nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	42 Ấu Triệu, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số ĐT liên lạc:	0733854245
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	Từ 2006 đến 2007 : Chuyên viên giao dịch Tiền tệ Ngoại hối – Trung tâm Nguồn vốn – Ngân hàng TMCP Techcombank Từ 2007 đến 2009 :Chuyên viên tư vấn – Bộ phận dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Sài gòn (SSI) Từ 2009 đến 2011 : Chuyên viên Tư vấn – Bảo lãnh phát hành – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI) Từ 2011 đến nay Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thuỷ sản Bến Tre
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trợ lý HĐQT Công ty CP Hùng vương, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lâm thuỷ sản Bến Tre
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	100 cp
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên:	TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	11/08/1985
Nơi sinh:	Rạch Giá – Kiên Giang
CMND:	361973782 ngày cấp 05 – 09 - 2000, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ
Số ĐT liên lạc:	01684641900
Trình độ chuyên môn:	Cử Nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	Cty XNK Thủy Sản An Giang 1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Nhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thuỷ sản
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	Không có
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2015 như sau:
Trong năm 2015, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:
- Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch HĐQT	150.009	0,58%	11.000	0,04	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:
Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của nhà nước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

Thông tin chung

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 1234 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Phước Hậu	Chủ tịch
Ông Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên
Ông Phù Thanh Danh	Thành viên
Ông Võ Thành Thông	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nam Hải	Trưởng ban
Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám đốc
Ông Phù Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Thông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Ký.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:

M.S.D.N: 1600583588 C.T.C.P
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
T.P LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty"), được lập ngày 18 tháng 12 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Quang Minh	Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1	Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.787.287.015.812**	**1.440.348.919.788**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***46.056.851.546***	***128.928.106.648***
111	1. Tiền		36.056.851.546	68.928.106.648
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	60.000.000.000
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***508.208.790.936***	***432.596.482.873***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	482.895.132.481	374.974.817.544
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	54.642.352.184	62.062.997.155
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.100.000.000	8.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	38.622.880.154	58.722.884.381
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(76.051.573.883)	(71.264.216.207)
140	***III. Hàng tồn kho***	***9***	***1.176.476.606.594***	***820.516.470.102***
141	1. Hàng tồn kho		1.189.026.629.095	824.327.582.302
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.550.022.501)	(3.811.112.200)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***56.544.766.736***	***58.307.860.165***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	2.663.751.176	2.601.096.133
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		47.015.996.409	48.915.632.855
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	6.865.019.151	6.791.131.177
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**742.545.119.740**	**775.857.343.535**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***324.395.779.875***	***373.329.304.160***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	323.712.779.875	372.829.304.160
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	683.000.000	500.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***330.128.894.784***	***352.269.613.323***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	262.986.737.549	285.126.193.865
222	Nguyên giá		575.988.702.988	573.344.582.459
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(313.001.965.439)	(288.218.388.594)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	67.142.157.235	67.143.419.458
228	Nguyên giá		67.588.245.044	67.588.245.044
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(446.087.809)	(444.825.586)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***17.768.578.913***	***14.886.493.222***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	17.768.578.913	14.886.493.222
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***-***	***212.600.000***
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.600.000	212.600.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(212.600.000)	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***70.251.866.168***	***35.159.332.830***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	66.666.028.171	30.969.966.366
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	3.585.837.997	4.189.366.464
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.529.832.135.552**	**2.216.206.263.323**

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.672.983.405.842**	**1.351.699.570.353**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.660.758.141.717***	***1.339.421.676.081***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	600.576.152.582	361.777.514.099
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.741.141.050	3.493.360.146
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	708.143.254	1.275.031.852
314	4. Phải trả người lao động		15.234.101.982	14.416.445.596
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	16.027.414.981	21.060.295.327
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	9.591.431.657	2.350.183.287
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.011.184.047.694	930.375.959.150
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.695.708.517	4.672.886.624
330	***II. Nợ dài hạn***		***12.225.264.125***	***12.277.894.272***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	1.937.500.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22	10.287.764.125	12.277.894.272
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**856.848.729.710**	**864.506.692.970**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23***	***856.848.729.710***	***864.506.692.970***
411	1. Vốn cổ phần		281.097.430.000	255.544.500.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*281.097.430.000*	*255.544.500.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	411.288.522.916
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		93.847.390.710	93.847.390.710
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		69.106.658.533	102.317.551.793
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*69.552.164.137*	*64.156.724.267*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*(445.505.604)*	*38.160.827.526*
422	5. Nguồn vốn đầu tư XDCB		1.508.727.551	1.508.727.551
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.529.832.135.552**	**2.216.206.263.323**

Huỳnh Xuân Vinh	Huỳnh Minh Thống	Nguyễn Văn Ký
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	24.1	**1.726.756.773.442**	**2.836.932.327.604**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	24.1	**(7.628.594.356)**	**(6.782.912.842)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	24.1	**1.719.128.179.086**	**2.830.149.414.762**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	25	**(1.552.353.262.393)**	**(2.533.992.764.225)**
20	**5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**166.774.916.693**	**296.156.650.537**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	24.2	**8.571.402.825**	**16.634.940.159**
22	**7. Chi phí tài chính**	27	**(55.173.467.661)**	**(54.437.116.020)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(34.592.957.079)*	*(51.915.492.372)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	26	**(106.514.972.692)**	**(186.074.641.536)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26	**(19.016.940.908)**	**(30.409.694.743)**
30	**10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(5.359.061.743)**	**41.870.138.397**
31	**11. Thu nhập khác**	28	**5.797.977.508**	**9.394.104.533**
32	**12. Chi phí khác**	28	**(280.892.902)**	**(1.929.413.841)**
40	**13. Lợi nhuận khác**	28	**5.517.084.606**	**7.464.690.692**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**158.022.863**	**49.334.829.089**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	30.2	**-**	**(12.446.136.435)**
52	**16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	30.3	**(603.528.467)**	**1.272.134.872**
60	**17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(445.505.604)**	**38.160.827.526**
70	**18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23.4	**(17)**	**1.101**
71	**19. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu**	23.4	**(17)**	**1.101**

Huỳnh Xuân Vinh	Huỳnh Minh Thống	Nguyễn Văn Ký
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**158.022.863**	**49.334.829.089**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	30.516.212.816	40.092.444.264
03	Các khoản dự phòng		13.738.867.977	10.671.450.461
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24.2, 27	1.797.053.571	893.250.897
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(490.510.488)	(10.891.871.201)
06	Chi phí lãi vay	27	34.592.957.079	51.915.492.372
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**80.312.603.818**	**142.015.595.882**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(16.575.762.688)	171.378.780.429
10	Tăng hàng tồn kho		(364.699.046.793)	(225.302.982.512)
11	Tăng các khoản phải trả		240.230.918.386	48.273.379.530
12	Tăng chi phí trả trước		(22.140.506.738)	(9.966.723.686)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.370.950.413)	(51.900.522.699)
15	Thuế TNDN đã nộp	30.2	-	(13.291.684.614)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.189.635.763)	(154.193.019)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		**(124.432.380.191)**	**61.051.649.311**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(26.382.331.701)	(16.395.724.321)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.579.158.497	7.962.769.123
23	Tiền chi cho vay		-	(10.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	1.900.000.000
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.207.200.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		618.368.614	1.138.081.777
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(24.184.804.590)**	**(11.187.673.421)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		1.514.750.173.527	2.577.583.469.020
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.449.088.802.324)	(2.708.406.824.093)
36	Cổ tức đã trả		-	(25.554.450.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**65.661.371.203**	**(156.377.805.073)**

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(82.955.813.578)**	**(106.513.829.183)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**128.928.106.648**	**235.312.883.475**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		84.558.476	129.052.356
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**46.056.851.546**	**128.928.106.648**

Huỳnh Xuân Vinh	Huỳnh Minh Thống	Nguyễn Văn Ký
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 ngày 27 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 3.052 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.233).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Tuy nhiên, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày kết thúc kỳ kế toán năm của Công ty đã thay đổi từ ngày 31 tháng 12 sang ngày 30 tháng 9 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 19 tháng 3 năm 2015.

Theo đó, kỳ kế toán cho năm hiện hành của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2015. Kỳ kế toán cho các năm tài chính sau đó bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

2.5 Thông tin so sánh
Dữ liệu so sánh của kỳ kế toán trước không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại do sự khác biệt của kỳ báo cáo. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của dữ liệu so sánh là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh
Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 36.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu
Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang B09-DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định
Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất
Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 năm
Nhà cửa	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 6 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm

3.7 Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước
Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.
Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời gian từ 4 đến 17 năm. Theo thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước
Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả
Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã

làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân phối lợi nhuận
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu
Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi
Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Lãi trên cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.
Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thuế
Thuế thu nhập hiện hành
Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số

tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Công cụ tài chính
Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày
Tài sản tài chính
Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính , thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh , các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch

trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính , được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay ngắn hạn.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tiền mặt	3.465.514.142	5.860.561.787
Tiền gửi ngân hàng	32.591.337.404	63.067.544.861
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	**46.056.851.546**	**128.928.106.648**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất tiết kiệm áp dụng.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn	***482.895.132.481***	***374.974.817.544***
Phải thu các bên khác	451.060.803.155	298.076.344.704
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	31.834.329.326	76.898.472.840
Dài hạn	***323.712.779.875***	***372.829.304.160***
Phải thu các bên khác	323.712.779.875	372.829.304.160
TỔNG CỘNG	**806.607.912.356**	**747.804.121.704**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(65.851.573.883)	(61.064.216.207)
GIÁ TRỊ THUẦN	**740.756.338.473**	**686.739.905.497**

Như được trình bày trong Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các khoản phải thu khách hàng để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.
Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Số đầu kỳ	61.064.216.207	50.568.308.946
Dự phòng trích lập trong kỳ	6.436.721.850	10.495.907.261
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.649.364.174)	-
Số cuối kỳ	**65.851.573.883**	**61.064.216.207**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Các bên khác	45.992.961.395	15.807.919.653
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	8.649.390.789	46.255.077.502
TỔNG CỘNG	**54.642.352.184**	**62.062.997.155**

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Giải Trí Châu Á vay tín chấp với lãi suất là 3,3%/ năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Các khoản chi hộ	16.657.874.622	-	33.357.874.622	-
Phải thu cá nhân về chuyển nhượng khoản đầu tư	10.200.000.000	(10.200.000.000)	10.200.000.000	(10.200.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	8.325.255.011	-	12.108.444.762	-
Phải thu khác	3.439.750.521	-	3.056.564.997	-
	38.622.880.154	(10.200.000.000)	58.722.884.381	(10.200.000.000)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	683.000.000	-	500.000.000	-
TỔNG CỘNG	**39.305.880.154**	**(10.200.000.000)**	**59.222.884.381**	**(10.200.000.000)**
Trong đó:				
Phải thu từ các bên khác	*20.648.005.532*	(10.200.000.000)	*23.865.009.759*	(10.200.000.000)
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*18.657.874.622*	-	*35.357.874.622*	-

9. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	675.689.428.779	358.826.564.851
Thành phẩm	483.069.146.441	425.237.035.598
Nguyên vật liệu	28.390.842.668	37.969.058.311
Hàng hóa	1.052.297.853	1.410.684.807
Công cụ, dụng cụ	824.913.354	884.238.735
TỔNG CỘNG	**1.189.026.629.095**	**824.327.582.302**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.550.022.501)	(3.811.112.200)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.176.476.606.594**	**820.516.470.102**

Như được trình bày trong Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Số đầu kỳ	3.811.112.200	3.635.569.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	8.738.910.301	175.543.200
Số cuối kỳ	**12.550.022.501**	**3.811.112.200**

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 30.2)*	6.466.307.408	6.466.307.408
Thuế giá trị gia tăng	-	241.200.983
Các loại thuế khác	398.711.743	83.622.786
TỔNG CỘNG	**6.865.019.151**	**6.791.131.177**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	167.805.375.530	387.744.470.144	16.329.005.419	1.348.813.184	116.918.182	573.344.582.459
Tăng trong kỳ	1.707.255.461	8.174.780.439	-	-	-	9.882.035.900
Trong đó:						
Mua sắm mới	-	*446.000.000*	-	-	-	*446.000.000*
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	*1.707.255.461*	*7.728.780.439*	-	-	-	*9.436.035.900*
Thanh lý	-	(7.237.915.371)	-	-	-	(7.237.915.371)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	169.512.630.991	388.681.335.212	16.329.005.419	1.348.813.184	116.918.182	575.988.702.988
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*6.474.827.748*	*28.053.308.458*	*1.873.294.747*	*842.385.045*	-	*37.243.815.998*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	52.899.966.747	224.842.082.697	9.253.006.609	1.182.152.166	41.180.375	288.218.388.594
Khấu hao trong kỳ	5.637.355.895	23.913.107.545	895.380.914	45.987.381	23.118.858	30.514.950.593
Thanh lý trong kỳ	-	(5.731.373.748)	-	-	-	(5.731.373.748)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	58.537.322.642	243.023.816.494	10.148.387.523	1.228.139.547	64.299.233	313.001.965.439
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	114.905.408.783	162.902.387.447	7.075.998.810	166.661.018	75.737.807	285.126.193.865
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	110.975.308.349	145.657.518.718	6.180.617.896	120.673.637	52.618.949	262.986.737.549
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 20)	*30.101.539.359*	*26.131.042.607*	*199.572.814*	*19.166.668*	-	*56.451.321.448*

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2015	67.372.729.044	215.516.000	67.588.245.044
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*215.516.000*	*215.516.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	229.309.586	215.516.000	444.825.586
Khấu hao trong kỳ	1.262.223	-	1.262.223
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	230.571.809	215.516.000	446.087.809
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	67.143.419.458	-	67.143.419.458
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	67.142.157.235	-	67.142.157.235
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 20)	*26.058.326.995*	-	*26.058.326.995*

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Mở rộng kho vận	10.934.061.822	10.807.963.658
Xây dựng hệ thống dẫn nước	4.011.537.666	2.491.446.364
Máy móc thiết bị đang lắp đặt	1.965.386.031	1.587.083.200
Khác	857.593.394	-
TỔNG CỘNG	**17.768.578.913**	**14.886.493.222**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015			*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	212.600.000	(216.000.000)	-	212.600.000	-	212.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	
	Số lượng cổ phiếu	*Giá trị đầu tư*	*Số lượng cổ phiếu*	*Giá trị đầu tư*
		VNĐ		*VNĐ*
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương – An Giang	21.260	212.600.000	21.260	212.600.000

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	1.734.623.071	1.805.198.213
- Công cụ, dụng cụ	929.128.105	795.897.920
	2.663.751.176	2.601.096.133
Dài hạn		
- Tiền thuê đất trả trước	66.043.811.547	30.168.968.983
- Công cụ, dụng cụ	622.216.624	800.997.383
	66.666.028.171	30.969.966.366
TỔNG CỘNG	**69.329.779.347**	**33.571.062.499**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	472.577.258.523	253.234.630.593
Phải trả cho các bên khác	127.998.894.059	108.542.883.506
TỔNG CỘNG	**600.576.152.582**	**361.777.514.099**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*
Thuế giá trị gia tăng	-	504.691.728	147.741.569	356.950.159
Thuế thu nhập cá nhân	1.273.531.852	663.232.604	1.585.571.361	351.193.095
Các loại thuế khác	1.500.000	1.731.619.470	1.733.119.470	-
TỔNG CỘNG	**1.275.031.852**	**2.899.543.802**	**3.466.432.400**	**708.143.254**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí thuê ao	6.107.425.119	13.429.960.488
Chi phí hoa hồng	7.190.789.603	3.725.778.851
Chi phí lãi vay	755.266.112	890.453.290
Chi phí điện nước	741.856.579	861.544.090
Chi phí vận chuyển	29.004.250	684.240.882
Chi phí phải trả khác	1.203.073.318	1.468.317.726
TỔNG CỘNG	**16.027.414.981**	**21.060.295.327**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	2.627.476.951	275.344.237
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.963.954.706	74.839.050
TỔNG CỘNG	**9.591.431.657**	**2.350.183.287**

20. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.011.184.047.694	930.375.959.150

20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	*30 tháng 9 năm 2015* *VNĐ*	*Nguyên tệ (Đô la Mỹ)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Ngày đến hạn*	*Hình thức thế chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	337.558.969.712		6,30 – 7,00	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 29 tháng 7 năm 2016	Quyền sử dụng đất; nhà cửa; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải; và thiết bị văn phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang	99.854.360.000	4.436.000	4,00	Ngày 11 tháng 12 năm 2015	Tín chấp
	2.000.000.000		7,00	Ngày 11 tháng 12 năm 2015	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	102.195.400.000	4.540.000	3,00	Từ ngày 15 tháng 11 năm 2015 đến ngày 25 tháng 3 năm 2016	Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	82.229.030.000	3.653.000	3,20	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2015 đến ngày 10 tháng 2 năm 2016	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	133.179.682.075	5.916.467	4,00	Từ ngày 17 tháng 10 năm 2015 đến ngày 13 tháng 7 năm 2016	Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
	108.119.790.952		7,00	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 8 năm 2016	Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam – Chi Nhánh An Giang	73.315.070.000	3.257.000	3,25 – 3,55	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 26 tháng 2 năm 2016	Tín chấp
	24.898.850.400		8,10	Ngày 27 tháng 4 năm 2016	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ	12.605.600.000	560.000	3,20	Ngày 17 tháng 1 năm 2016	Tín chấp
	35.227.294.555		6,00	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2016 đến ngày 7 tháng 3 năm 2016	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**1.011.184.047.694**				

Công ty sử dụng các khoản tiền vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn thể hiện doanh thu từ việc cho thuê đất.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

VNĐ

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	255.544.500.000	411.288.522.916	80.988.102.710	12.859.288.000	91.586.489.809	1.508.727.551	853.775.630.986
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	38.160.827.526	-	38.160.827.526
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(25.554.450.000)	-	(25.554.450.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.875.315.542)	-	(1.875.315.542)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	255.544.500.000	411.288.522.916	80.988.102.710	12.859.288.000	102.317.551.793	1.508.727.551	864.506.692.970
Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	255.544.500.000	411.288.522.916	80.988.102.710	12.859.288.000	102.317.551.793	1.508.727.551	864.506.692.970
Trình bày lại *(Thuyết minh số 36)*	-	-	12.859.288.000	(12.859.288.000)	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	255.544.500.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	102.317.551.793	1.508.727.551	864.506.692.970
Tăng trong kỳ (*)	25.552.930.000	-	-	-	(25.552.930.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(445.505.604)	-	(445.505.604)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.212.457.656)	-	(7.212.457.656)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	281.097.430.000	411.288.522.916	93.847.390.710	-	69.106.658.533	1.508.727.551	856.848.729.710

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện phát hành thêm 2.555.293 cổ phiếu thường dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1, được phê duyệt bởi các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 19 tháng 3 năm 2015. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 255.544.500.000 VNĐ lên 281.097.430.000 VNĐ.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	255.544.500.000	255.544.500.000
Tăng trong năm	25.552.930.000	-
Số cuối năm	281.097.430.000	255.544.500.000
Cổ tức công bố	*25.552.930.000*	*25.554.450.000*
Cổ tức bằng cổ phiếu	*25.552.930.000*	-
Cổ tức chi trả bằng tiền	-	*25.554.450.000*

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Cổ phiếu được phép phát hành	28.109.743	25.554.450
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*28.109.743*	*25.554.450*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*28.109.743*	*25.554.450*

23.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)*
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế *(VNĐ)*	(445.505.604)	38.160.827.526
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(44.550.560)	(7.212.457.656)
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VNĐ)*	**(490.056.164)**	**30.948.369.870**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu) (**)*	28.109.743	28.109.743
(Lỗ) lãi cơ bản và (lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu		
(VNĐ/cổ phiếu)	**(17)**	**1.101**

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính với tỷ lệ 10% (lỗ) lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 3 năm 2015.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức như được trình bày tại Thuyết minh số 23.1.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang B09-DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tổng doanh thu	**1.726.756.773.442**	**2.836.932.327.604**
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	*972.796.670.183*	*1.733.180.323.058*
Doanh thu bán cá nội địa	*329.151.444.528*	*319.315.467.202*
Doanh thu hàng phụ phẩm	*213.902.811.589*	*272.844.992.001*
Doanh thu hàng hóa	*145.536.859.531*	*217.416.120.817*
Doanh thu cá nguyên liệu	*48.916.384.434*	*225.885.246.000*
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	*6.716.559.865*	*3.534.912.498*
Doanh thu dịch vụ	*9.736.043.312*	*64.755.266.028*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(7.628.594.356)**	**(6.782.912.842)**
Hàng bán bị trả lại	(7.226.851.956)	(1.574.168.614)
Giảm giá hàng bán	(401.742.400)	(5.208.744.228)
DOANH THU THUẦN	**1.719.128.179.086**	**2.830.149.414.762**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*1.649.929.496.090*	*2.611.463.678.198*
Doanh thu đối với bên liên quan	*69.198.682.996*	*218.685.736.564*

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.752.559.211	10.587.571.962
Lãi tiền gửi	818.843.614	1.426.840.944
Lãi từ thanh lý công ty con	-	4.207.200.000
Khác	-	413.327.253
TỔNG CỘNG	**8.571.402.825**	**16.634.940.159**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Giá vốn cá xuất khẩu	867.254.025.200	1.589.802.531.271
Giá vốn cá bán nội địa	273.096.986.813	195.001.519.378
Giá vốn hàng phụ phẩm	213.902.811.589	272.764.620.846
Giá vốn hàng hóa	138.195.445.749	212.845.209.545
Giá vốn cá nguyên liệu	47.597.173.369	218.948.322.198
Giá vốn thuốc thú y thủy sản	6.212.600.703	3.179.611.919
Giá vốn dịch vụ	6.094.218.970	41.450.949.068
TỔNG CỘNG	**1.552.353.262.393**	**2.533.992.764.225**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí bán hàng	***106.514.972.692***	***186.074.641.536***
- Chi phí vận chuyển	42.635.542.834	75.314.635.088
- Chi phí lưu kho	20.774.036.542	17.591.039.329
- Chi phí hoa hồng và hỗ trợ bán hàng	16.746.150.554	15.705.991.581
- Chi phí bán hàng khác	26.359.242.762	77.462.975.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	***19.016.940.908***	***30.409.694.743***
- Chi phí lương	6.366.246.686	6.858.434.075
- Chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.787.357.676	10.495.907.261
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.911.589.914	3.616.782.804
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.951.746.632	9.438.570.603
TỔNG CỘNG	**125.531.913.600**	**216.484.336.279**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí lãi vay	34.592.957.079	51.915.492.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.570.857.011	1.628.372.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.797.053.571	893.250.897
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	212.600.000	-
TỔNG CỘNG	**55.173.467.661**	**54.437.116.020**

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Thu nhập khác	**5.797.977.508**	**9.394.104.533**
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.093.458.377	5.835.348.591
Bán phế liệu	1.579.158.497	1.878.218.661
Khác	1.125.360.634	1.680.537.281
Chi phí khác	**(280.892.902)**	**(1.929.413.841)**
Khác	(280.892.902)	(1.929.413.841)
GIÁ TRỊ THUẦN	**5.517.084.606**	**7.464.690.692**

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí nguyên liệu và hàng hóa	1.300.824.908.416	2.414.586.263.217
Chi phí nhân công	158.546.986.358	172.443.881.071
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11 và 12)*	30.516.212.816	40.092.444.264
Chi phí khác	132.236.595.159	261.099.908.188
TỔNG CỘNG	**1.622.124.702.749**	**2.888.222.496.740**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	12.446.136.435
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	603.528.467	(1.272.134.872)
TỔNG CỘNG	**603.528.467**	**11.174.001.563**

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế:

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**158.022.863**	**49.334.829.089**
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Thay đổi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(12.064.736.546)	1.767.669.022
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(1.990.130.147)	(1.014.638.308)
Thay đổi lợi nhuận của doanh thu chịu thuế	(4.275.421.050)	3.769.236.991
Thay đổi chi phí phải trả	3.465.010.752	1.260.163.531
Các khoản không được khấu trừ	955.361.995	1.456.087.109
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	**(13.751.892.133)**	**56.573.347.434**
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	-	12.446.136.435
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	-	**12.446.136.435**
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(6.466.307.408)	(5.620.759.229)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(13.291.684.614)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	**(6.466.307.408)**	**(6.466.307.408)**

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.057.552.825	2.701.136.740	(643.583.915)	(223.220.428)
Lỗ chuyển sang các năm sau	2.750.378.427	-	2.750.378.427	-
Chi phí phải trả	1.438.157.921	819.671.347	618.486.574	277.235.977
Lợi nhuận của doanh thu chịu thuế	9.681.578	951.242.366	(941.560.788)	829.232.138
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.669.932.754)	(282.683.989)	(2.387.248.765)	388.887.185
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	**3.585.837.997**	**4.189.366.464**		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***(603.528.467)***	***1.272.134.872***

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.658.197.263 VNĐ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VNĐ

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế (*)*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30/09/2015*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/09/2015*
2015	2020	13.751.892.133	-	13.751.892.133

(*) Lỗ tính thuế theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính này.

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	22.416.847.000	121.338.063.000
		Bán hàng hóa	1.796.460.002	19.878.707.360
		Bán cá nguyên liệu	40.027.883.549	74.142.159.480
		Cung cấp dịch vụ	16.971.000	397.334.091
		Chi phí trả hộ	4.300.000.000	34.891.256.906
		Mua nguyên vật liệu	18.164.158.000	31.448.096.300
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	399.418.619.136	481.205.153.032
		Mua hàng hóa	88.336.116.864	47.491.024.233
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	284.264.639.600	187.449.357.960
		Mua hàng hóa	5.922.590.400	2.899.050.800
		Bán hàng hóa	-	644.016.364
Công ty cổ phần Thức ăn Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.541.666.673	56.948.256.368
		Bán cá nguyên liệu	2.389.521.902	-
		Bán hàng hóa	3.194.526.899	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	153.911.786.400	94.667.055.000
		Mua hàng hóa	929.593.600	29.404.597.000
		Bán hàng hóa	519.465.455	299.169.091

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc như sau:

VNĐ

	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Lương và các chi phí liên quan	1.589.436.837	1.960.531.768

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015
B09-DN

31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại kỳ kế toán được thể hiện như sau:

VNĐ

Các bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	27.678.284.427	76.823.158.840
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	57.100.000
Công ty cổ phần thức ăn Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán cá nguyên liệu	4.156.044.899	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	18.214.000
			31.834.329.326	**76.898.472.840**
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu và hàng hóa	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần thức ăn Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu và hàng hóa	5.649.390.789	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu và hàng hóa	-	41.191.057.462
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên liệu và hàng hóa	-	2.064.020.040
			8.649.390.789	**46.255.077.502**
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Chi phí trả hộ	16.657.874.622	33.357.874.622
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng	2.000.000.000	2.000.000.000
			18.657.874.622	**35.357.874.622**
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	405.804.320.688	217.240.563.876
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	56.058.778.988	23.198.758.428
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	10.694.319.500	9.313.758.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	19.839.347	2.082.057.789
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương – Cao Lãnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	1.399.492.500
			472.577.258.523	**253.234.630.593**

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.
Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam và văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Dưới 1 năm	11.156.960.102	10.572.653.351
Từ 1 – 5 năm	28.470.842.836	32.742.092.836
Trên 5 năm	52.705.876.406	55.075.207.512
TỔNG CỘNG	**92.333.679.344**	**98.389.953.699**

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất
Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất
Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản vay ngắn hạn có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ
Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá, nhận và thanh toán các khoản vay bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

VNĐ

	Thay đổi tỷ giá Đôla Mỹ	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế*
Cho kỳ kế toán ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015	+ 1%	1.499.121.231
	- 1%	(1.499.121.231)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	+ 1%	(440.316.854)
	- 1%	440.316.854

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và nghiệp vụ ngoại hối.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được trong kỳ. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang B09-DN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

	Dưới 1 năm
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	
Vay ngắn hạn	1.011.184.047.694
Phải trả người bán	600.576.152.582
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	16.027.414.981
	1.627.787.615.257
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Vay ngắn hạn	930.375.959.150
Phải trả người bán	361.777.514.099
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	23.060.295.327
	1.315.213.768.576

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng, và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng (Thuyết minh số 20).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

VNĐ

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015		*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	
Tài sản tài chính					
Phải thu khách hàng	774.773.583.030	(65.851.573.883)	670.905.648.864	708.922.009.147	609.841.432.657
Phải thu bên liên quan	59.141.594.737	-	112.256.347.462	59.141.594.737	112.256.347.462
Phải thu khác	18.525.255.011	(10.200.000.000)	10.967.805.830	8.325.255.011	767.805.830
Cho vay ngắn hạn	8.100.000.000	-	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.056.851.546	-	128.928.106.648	46.056.851.546	128.928.106.648
TỔNG CỘNG	**906.597.284.324**	**(76.051.573.883)**	**931.157.908.804**	**830.545.710.441**	**859.893.692.597**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2015*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014*
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	1.011.184.047.694	930.375.959.150	1.011.184.047.694	930.375.959.150
Phải trả cho bên liên quan	472.577.258.523	253.234.630.593	472.577.258.523	253.234.630.593
Phải trả người bán	127.998.894.059	108.542.883.506	127.998.894.059	108.542.883.506
Nợ ngắn hạn khác	16.027.414.981	23.060.295.327	16.027.414.981	23.060.295.327
TỔNG CỘNG	**1.627.787.615.257**	**1.315.213.768.576**	**1.627.787.615.257**	**1.315.213.768.576**

VNĐ

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ tài chính chưa được đánh giá và xác định tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá rằng giá trị hợp lý của tài sản và nợ tài chính tương đương với giá trị ghi sổ tại ngày lập báo cáo tài chính.

36. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư ngắn hạn	8.100.000.000	(8.100.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	8.100.000.000	8.100.000.000
Các khoản phải thu khác	46.614.439.619	12.108.444.762	58.722.884.381
Tài sản ngắn hạn khác	12.108.444.762	(12.108.444.762)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	747.804.121.704	(372.829.304.160)	374.974.817.544
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	372.829.304.160	372.829.304.160
Đầu tư dài hạn khác	212.600.000	(212.600.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	212.600.000	212.600.000
Tài sản dài hạn khác	500.000.000	(500.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	500.000.000	500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	80.988.102.710	12.859.288.000	93.847.390.710
Quỹ dự phòng tài chính	12.859.288.000	(12.859.288.000)	-
BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập khác	11,521,525,065	(2,127,420,532)	9.394.104.533
Chi phí khác	(4,056,834,373)	2,127,420,532	(1.929.413.841)

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Huỳnh Xuân Vinh	Huỳnh Minh Thống	Nguyễn Văn Ký
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2015